

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: **Kinh tế**; Chuyên ngành: **Tài chính - Ngân hàng**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **ĐÀO THỊ THANH BÌNH**

2. Ngày tháng năm sinh: **28.10.1973**; Nam Nữ ; Quốc tịch: **Việt Nam**;

Dân tộc: **Kinh**; Tôn giáo: **Không**

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): **Ba Vì, Hà Nội**

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): **Phòng 509, L2, số 93, Láng Hạ, phường Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.**

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): **A2403, Imperia Garden, 203 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội.**

Điện thoại nhà riêng: không có; Điện thoại di động: **0904 082 810.**

E-mail: daobinh2@gmail.com hoặc binhdtt@hanu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ ngày 31/01/2020 đến nay:

- Giảng viên chính (Hạng II), Khoa Quản trị Kinh doanh và Du lịch (FMT), Trường Đại học Hà Nội.

Từ năm 2012 đến nay:

- Phó Trưởng khoa, Khoa Quản trị Kinh doanh và Du lịch (FMT), Trường Đại học Hà Nội.

Từ năm 2009 đến nay:

- Trưởng Bộ môn Tài chính, Khoa Quản trị Kinh doanh và Du lịch (FMT), Trường Đại học Hà Nội;

Từ năm 2007 đến nay:

- Giảng viên môn Kinh tế lượng, Quản trị Tài chính, Thống kê, Tài chính Doanh nghiệp, Quản trị Ngân hàng, Quản trị nguồn vốn, Khoa Quản trị Kinh doanh và Du lịch (FMT), Trường Đại học Hà Nội.

Từ năm 2007 đến năm 2008:

- Điều phối viên Azek cho dự án Seco & SSC: Các khoá đào tạo và thi chứng chỉ CIIA (Chứng nhận phân tích đầu tư Quốc tế), SECO, SRTC.

Từ năm 2006 đến năm 2014:

- Giảng viên môn Toán cao cấp tài chính, Kinh tế Vi mô, Lý thuyết trò chơi, Xác suất và thống kê, Phân tích Tài chính. Các khoá học thạc sĩ: Toán tài chính, Thống kê, Tài chính doanh nghiệp, Chứng khoán phái sinh, Khoa Quốc Tế, Trường Đại học Quốc Gia Hà Nội.
- Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng (Dauphine joint ESCP- EAP): Đánh giá dự án đầu tư, Rủi ro Ngân hàng và Quản lý tài sản nợ-có, Định giá doanh nghiệp, CFVG.
- Thạc sĩ Tài chính (iae Lyon joint Đại học Thương Mại - TMU): Quản trị Rủi ro Ngân hàng và Tuân thủ Basel II, Đại học Thương Mại.

Từ năm 2005 đến năm 2006:

- Toán Tài chính, Tài chính vi mô, Kinh tế Vi mô, Kế toán tài chính, Visual Basic dùng để đánh giá sản phẩm tài chính (Quyền chọn và các quyền chọn cấp bậc 2), Đại học Paris Dauphine, Pháp.

Từ 3/1999 đến năm 9/1999:

- Thực tập tại Phòng IPO – Phát hành lần đầu ra công chúng, Ngân hàng Societe Generale Paris, Pháp.

Từ 6/1998 đến năm 9/1998:

- Thực tập tại Phòng rủi ro Tín dụng, Tài chính và Ngân hàng, Công ty Bảo hiểm AGF Paris.

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên chính, Phó Trưởng khoa, Khoa Quản trị Kinh doanh và Du lịch (FMT), Trường Đại học Hà Nội;

Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng khoa, Khoa Quản trị Kinh doanh và Du lịch (FMT), Trường Đại học Hà Nội

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Quản trị Kinh doanh và Du lịch, Trường Đại học Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: Phòng 205 – Nhà C, Trường Đại học Hà Nội, Km 9 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại cơ quan: (84.4) 3553 3560

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 27 tháng 5 năm 1995, ngành: Công nghệ dệt, chuyên ngành: Không

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Bách Khoa, Việt Nam

- Được cấp bằng ĐH ngày 1 tháng 6 năm 1996, ngành: Tiếng Anh, chuyên ngành: Không

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 15 tháng 10 năm 1997, chuyên ngành: MBA

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Paris Dauphine, Pháp

- Được cấp bằng ThS ngày 5 tháng 9 năm 2001, chuyên ngành: Tài chính

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Paris Dauphine, Pháp

- Được cấp bằng ThS ngày 12 tháng 7 năm 2002, chuyên ngành: Phân tích Kinh tế

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường EHESS, Pháp

- Được cấp bằng TS ngày 12 tháng 5 năm 2005, chuyên ngành: Tài chính

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Paris Dauphine, Pháp

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ..., ngành:, chuyên ngành:

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm ,

ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Phó Giáo Sư** tại HDGS cơ sở: **Trường Đại học Kinh tế Quốc dân**

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Phó Giáo Sư** tại HDGS ngành, liên ngành: **Tài chính**

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Trong quá trình làm nghiên cứu khoa học, đăng báo và tạp chí trong khoảng thời gian từ năm 2006-2019, tôi có ba hướng nghiên cứu chính:

- Quản trị doanh nghiệp (Corporate Governance);

- Quản trị rủi ro (Risk Management);

- Kinh tế vĩ mô, tối ưu (Macro Economics and Optimal Control).

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn 14 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 1 đề tài Ngành cấp Nhà nước; 5 cấp trường;
- Đã công bố 43 bài báo KH, trong đó 12 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 05, trong đó thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định
2017 - 2018	CSTĐ cấp cơ sở	QĐ số: 2948/QĐ-ĐHHN ngày 13/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội
2018 - 2019	CSTĐ cấp cơ sở	QĐ số: 3299/QĐ-ĐHHN ngày 12/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội

Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
2011 - 2012	Giấy khen Hiệu trưởng	Khen tặng hướng dẫn Đội CFA đạt giải nhất toàn quốc
2012 - 2013	Giấy khen Hiệu trưởng	Số 1785/QĐĐHHN, 2/11/2012: “Khen tặng với tư cách Trưởng Bộ môn Tài chính cho những đóng góp cho khoa FMT”
2014 - 2015	Giấy khen Hiệu trưởng	Số 1834/QĐĐHHN, 8/11/2014: “Khen tặng với tư cách Phó Khoa, Trưởng Bộ môn Tài chính cho những đóng góp cho khoa FMT”
2017 - 2018	Giấy khen Hiệu trưởng	Số 2660/QĐ-ĐHHN ngày 14/11/2017: “Đã có nhiều đóng góp to lớn trong quá trình xây dựng và phát triển Khoa QTKD-DL, giai đoạn 2002 – 2017”
2018 - 2019	Giấy khen Hiệu trưởng	Số 2948/QĐ-ĐHHN ngày 06/11/2019: “Đã có nhiều thành tích trong sự nghiệp xây dựng và phát triển Nhà trường”
2018 - 2019	Bằng khen Bộ trưởng	Đang được đề nghị Bộ trưởng Bộ GD&ĐT tặng Bằng khen

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): **Không**

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Với 15 năm kinh nghiệm nghiên cứu và giảng dạy, trong đó có 13 năm là giảng viên tại Khoa Quản trị Kinh doanh và Du lịch, Trường Đại học Hà Nội, tôi luôn tự hào được đóng góp công sức của mình vào quá trình xây dựng và phát triển vững mạnh của Khoa Quản trị Kinh doanh và Du lịch nói riêng cũng như Trường Đại học Hà Nội nói chung. Trong suốt thời gian công tác, tôi luôn nỗ lực hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, chủ động học hỏi nâng cao năng lực bản thân từ kiến thức chuyên môn đến đạo đức và phong cách, tác phong của một nhà giáo. Tôi may mắn luôn nhận được sự quan tâm của Nhà trường, nhận được sự dạy dỗ, chỉ bảo của các thầy cô đi trước, sự ủng hộ của các đồng nghiệp để luôn dành hết tâm huyết của bản thân trong giảng dạy, nghiên cứu, học tập và trau dồi tri thức. Tôi tự đánh giá bản thân dựa trên các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo như sau:

+ **Về phẩm chất đạo đức:** Tôi luôn chấp hành tốt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; gia đình nhiều năm là gia đình văn hóa; tuân thủ mọi nội quy, quy định của Trường, Khoa và Bộ môn. Tôi luôn giữ gìn các phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; tôn trọng nhân cách và đối xử công bằng, bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của người học. Tôi không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị của một giảng viên.

+ **Về công tác giảng dạy:** Tôi thực hiện giảng dạy bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh về chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng cho các bậc đào tạo đại học và sau đại học. Tôi đã luôn cố gắng để hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy, cập nhật kiến thức, đổi mới phương pháp luận và giảng dạy để đem lại nội dung kiến thức phù hợp và tiên tiến nhất cho sinh viên/ học viên; giảng dạy theo đúng mục tiêu, đề cương được phê duyệt. Tôi luôn giúp đỡ các sinh viên, học viên hoàn thành tốt công việc học tập và nghiên cứu. Tôi cũng đã được đào tạo đạt trình độ chuẩn về chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm. Cụ thể, các công việc giảng dạy của tôi như sau:

Với bậc đại học trong nước:

Tôi giảng dạy bằng tiếng Anh ba môn học cốt lõi của chuyên ngành tài chính – ngân hàng cho các hệ đào tạo đại học bao gồm Bank management – Quản trị ngân hàng; Treasury Management – Quản lý nguồn vốn và Econometrics – Kinh tế lượng.

Với các chương trình đại học, cao học liên kết:

Tôi giảng dạy bằng tiếng Anh môn học Securities Investment; Case Study in Finance;

Financial Management; Bank Financial Institution cho chương trình cử nhân liên kết giữa Đại học Hà Nội và Đại học Latrobe, Úc.

Về bậc cao học, tôi tham gia giảng dạy cho chương trình liên kết giữa Đại học Thương Mại và Đại học Lyon, Pháp.

Giảng dạy tại nước ngoài:

Tháng 4/2017, tôi đã được tài trợ của quỹ Erasmus+ sang giảng dạy tại Đại học Bologna, Ý.

+ **Về nghiên cứu khoa học:** Luôn thấm nhuần tư tưởng nhiệm vụ của người giảng viên là song hành giữa giảng dạy và nghiên cứu khoa học, tôi luôn chú trọng và dành nhiều tâm sức, thời gian cho nghiên cứu khoa học; hoàn thành tốt các nhiệm vụ KH&CN được Trường, Khoa, Bộ môn giao phó; chủ động tìm tòi, nghiên cứu các hướng mới. Tôi tích cực tham gia và chủ trì nhiều đề tài nghiên cứu khoa học; viết và công bố các bài báo khoa học tại các hội thảo; tạp chí trong nước và quốc tế. Hơn thế nữa, tôi luôn mong muốn truyền được ngọn lửa đam mê và yêu thích nghiên cứu khoa học cho sinh viên. Do đó, thông qua các giờ giảng dạy trên lớp, tôi đã lồng ghép trong bài giảng để ngoài học được kiến thức chuyên môn, các em sinh viên sẽ được cung cấp kiến thức và công cụ để thực hiện ý tưởng nghiên cứu khoa học.

+ **Về sức khỏe:** Tôi có sức khỏe tốt, đáp ứng các yêu cầu của công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Căn cứ vào điều 70 và 72 trong Luật Giáo dục về Nhà giáo và nhiệm vụ của nhà giáo, tôi nhận thấy mình có đầy đủ các tiêu chuẩn và luôn hoàn thành mọi nhiệm vụ của nhà giáo theo quy định.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 15 năm.

- Trong đó 6 năm học gần nhất như sau:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2014-2015	-	-	2	7	307,5	23	330,5/454,5/175,5
2	2015-2016	-	-	3	8	305	23	328/413,25/175,5
3	2016-2017	-	-	3	6	320	23	343/436,5/189

3 năm học cuối								
4	2017-2018	-	-	3	5	420	23	443/548,25/175,5
5	2018-2019	-	-	3	6	345	23	368/436,17/182,25
6	2019-2020	-	-	2	10	332	-	332/406,22/182,25

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: **Tiếng Anh, Tiếng Pháp**

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước: Pháp; Từ năm 1997 đến năm 1999

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: Pháp; năm 2005

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Đại học Hà Nội, số bằng: 31167; năm cấp: 1996

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Đại học Hà Nội, Việt Nam

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): bằng ĐH chuyên ngành Tiếng Anh do Đại học Hà Nội cấp

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Lại Hoài Phương		x	x		2014 – 2015	ĐH Thương Mại liên kết Université Jean Moulin Lyon 3	2015
2	Ngô Thị Tuyết		x	x		2014 – 2015	ĐH Thương Mại liên kết Université Jean Moulin Lyon 3	2015
3	Bùi Vũ Hồng Trang		x	x		2015 – 2016	ĐH Thương Mại liên kết Université Jean Moulin Lyon 3	2016

4	Cao Ngọc Phương Giang		x	x		2015 – 2016	ĐH Thương Mại liên kết Université Jean Moulin Lyon 3	2016
5	Nguyễn Quỳnh Hương		x	x		2015 – 2016	ĐH Thương Mại liên kết Université Jean Moulin Lyon 3	2016
6	Lê Minh Hằng		x	x		2016 – 2017	ĐH Thương Mại liên kết Université Jean Moulin Lyon 3	2017
7	Nguyễn Diệu Linh		x	x		2016 – 2017	ĐH Thương Mại liên kết Université Jean Moulin Lyon 3	2017
8	Nguyễn Hoàng Yên		x	x		2016 – 2017	ĐH Thương Mại liên kết Université Jean Moulin Lyon 3	2017
9	Đào Thị Ngọc Mai		x	x		2017 – 2018	ĐH Thương Mại liên kết Université Jean Moulin Lyon 3	2018
10	Đỗ Minh Long		x	x		2017 – 2018	ĐH Thương Mại liên kết Université Jean Moulin Lyon 3	2018
11	Đinh Gia Thăng		x	x		2017 – 2018	ĐH Thương Mại liên kết Université Jean Moulin Lyon 3	2018
12	Hồ Thị Thái Thanh		x	x		2018 – 2019	ĐH Thương Mại liên kết Université Jean Moulin Lyon 3	2019
13	Kiều Bạch Tuyết		x	x		2018 – 2019	ĐH Thương Mại liên kết Université Jean Moulin Lyon 3	2019
14	Nguyễn Thị Thắng		x	x		2018 – 2019	ĐH Thương Mại liên kết Université Jean Moulin Lyon 3	2019

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
1	Structural Approach of Credit Risk with Jump Diffusion Process: Credit Risk Models & Application	CK	LAP Lambert Academic Publishing – 2011 ISBN: 978-3- 8454-0906-1	1	X		
2	Credit Scoring Models for Vietnamese Market: Z-Score Models for Vietnamese Manufacturers, Non-Manufacturers & Consumers	CK	LAP Lambert Academic Publishing – 2012 ISBN: 978-3- 8465-9432-3	3	X		
3	Bad Debts Resolutions in Vietnam Banking System- Quantitative Analysis and AMCs Model	CK	LAP Lambert Academic Publishing – 2015 ISBN: 978-3- 695-66210-2	2	X		
4	Những thách thức toàn cầu về vấn đề An ninh Tài chính của Việt Nam	CK	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội - 2020 ISBN: 978-604- 9987-74-1	7		248-297	
5	Banking regulation on capital adequacy and banking risk (Monograph)	CK	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội - 2020 ISBN: 978-604- 9969-85-0	4	X		

Trong đó, số lượng sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS:

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
1	Nghiên cứu xây dựng quy trình vận hành hệ thống liên hồ Sơn La, Hòa Bình, Thác Bà và Tuyên Quang trong mùa kiệt	Chủ nhiệm đề tài nhánh	MS: ĐTĐL.2011/T/07 Đề tài nhánh Cấp Nhà nước	2012-2014	07/05/2014
2	Nghiên cứu xây dựng Bộ tài liệu môn Quản trị ngân hàng	CN	Cấp cơ sở	07/2013-10/2014	18/04/2014 Khá
3	Xây dựng mô hình quản trị doanh nghiệp & Hiệu quả hoạt động – Trong ngân hàng và các công ty niêm yết Việt Nam	CN	Cấp cơ sở	08/2014-08/2015	09/07/2015 Tốt
4	Đánh giá mức độ phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế Basel về quy định về đảm bảo an toàn vốn của Việt Nam	CN	Cấp cơ sở CS2015-034	08/2015-12/2016	26/12/2017 Tốt
5	Phân tích an toàn vốn và Rủi ro trong hoạt động ngân hàng	CN	Cấp cơ sở CS2016-017	12/2016-12/2018	20/12/2018 Xuất sắc
6	Cấu trúc vốn tối ưu cho các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường CK VN	CN	Cấp cơ sở CS2018-020	08/2018-08/2019	31/3/2020 Xuất sắc

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

Giai đoạn sau khi bảo vệ Tiến sĩ								
Các bài báo đăng trên tạp chí quốc tế								
TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
1	Double Exponential Jump Diffusion Process: A Structural model of Endogenous default barrier with roll over debt structure	2	X	Journal of Credit Risk	ISI, IF=0.226	Google Scholar: 27	Vol.8, No.2, pp.21-43	2012
2	Stakeholder Approach on Corporate Governance and Performance of Vietnamese Manufacturing Firms	2	X	Journal of Governance and Regulation		Google Scholar: 1	Vol.6, No.2, pp.56-73	2017
3	Empirical analysis on non-performing loans of listed banks in Vietnam	2	X	European Journal of Business and Management			Vol.12, No.6, pp.18-30	2020
4	Education and economic growth in Vietnam	2	X	Journal of Education and Practice			Vol.11, No.6, pp.10-22	2020
5	Macro Variable Determinants of Exchange Rates in Vietnam	2	X	International Finance and Banking			Vol.7, No.1, pp.18-36	2020
6	Public Expenditure for Education and Economic Growth in Vietnam	2	X	Journal of Economics and Sustainable Development			Vol.1, No.6, pp.50-62	2020

7	Deposit Insurance and Bank Risks in Vietnam	2	X	Business and Economic Research			Vol.10, No.2, pp.46-63	2020
8	Corporate Governance and Firm Performance in Asia: A Meta – Analysis	2	X	Journal of Corporate Governance and Regulation			Vol.9, No.1, pp.18-34	2020
9	Determinants of Profitability in Commercial Banks in Vietnam, Malaysia and Thailand	2	X	Journal of Asian Finance, Economics and Business	ESCI, Scopus		Vol.7, No.4, pp.133-143	2020
10	Impacts of Corporate Governance on Firm Performance and Earnings Management, A study on Vietnamese Non-Financial Companies	2	X	Asian Economics and Financial Review	ESCI, Scopus		Vol.10, No.4, pp.480-501	2020
11	Bank Capital Adequacy Ratio and Bank Performance in Vietnam: A simultaneous equations framework	2	X	Journal of Asian Finance, Economics and Business	ESCI, Scopus		Vol.7, No.6, pp.39-46	2020
12	The application of the logistic model in analyzing the risk of bankruptcy of small and medium enterprises (SMES) a case study	2		Academy of Accounting and Financial Studies Journal	Scopus (Q4), IF=0.3		Vol.24, Issue.3	2020
Các bài Hội thảo Khoa học đăng trên tạp chí quốc tế								
13	Budget deficit and economic growth prediction in the case of Vietnam	2	X	Conference Proceeding 1st International Conference on			pp. 974-996	2018

				Contemporary Issues in Economics, Management and Business			ISBN: 978-604- 65-3728-1	
14	Analysis of operational risk in Vietnamese commercial banks	2	X	Conference Proceeding 1st International Conference on Contemporary Issues In Economics, Management and Business			pp.613- 637 ISBN: 2018 978-604- 65-3728-1	
15	Default risk estimation, distance to default, bank credit and corporate governance	2	X	Proceedings of BAASANA International Conference in Vietnam			Vol.8, pp.137- 160 ISSN: 2471-6847	2018
16	The application of the logistic model in analyzing the risk of bankruptcy of small and medium enterprises in Hanoi	2	X	International Conference - Entrepreneurship and creativity opportunities and challenges for Vietnam's enterprises			pp.553- 563 ISBN: 2019 978-604- 55-4620-8	
Bài báo đăng trên tạp chí trong nước								
17	Credit Risk, an overview - Three essays with Jump Diffusion Processes Structural Approach of Credit Risk	1	X	Ouverture Internationale International			Vol.11, pp.6-20	2007

18	Mô hình định mức tín dụng cho các công ty phi sản xuất ở Việt Nam	1	X	Tạp chí Kinh tế và Dự báo			No.521, pp.29-32	2012
19	Lượng hóa xác suất vỡ nợ của khách hàng doanh nghiệp trong danh mục tín dụng của Habubank	2	X	Tạp chí Ngân hàng (Journal of Banking Review)			No.15, pp.32-38	2012
20	Mở chi nhánh ngân hàng mới: Một giải pháp có hiệu quả?	1	X	Tạp chí Kinh tế và Dự báo			No.16(528) pp.58-60	2012
21	Corporate governance and Performance in Vietnamese Commercial Banks	2	X	Tạp chí Kinh tế và Phát triển	Google Scholar: 13		Vol.14, No.2, pp.72-95	2012
22	Quản trị doanh nghiệp ở các ngân hàng thương mại Việt Nam	2	X	Tạp chí Kinh tế và Phát triển			No.183, pp.61-77	2012
23	Mối liên hệ giữa lãi suất huy động không điều tiết và rủi ro của ngân hàng	1	X	Tạp chí Kinh tế và Dự báo			No.531-532, pp.120-123	2012
24	Mô hình chấm điểm tín dụng cho các công ty sản xuất ở Việt Nam	1	X	Tạp chí Kinh tế và Phát triển			No.188, pp.39-49	2013
25	Điều tiết lãi suất và tác động của trần lãi suất lên hệ thống ngân hàng Việt Nam	1	X	Tạp chí Kinh tế và Phát triển			No.198, pp.38-44	2013
26	Nữ thành viên hội đồng quản trị và kết quả tài chính trong các công ty niêm yết Việt Nam	2	X	Tạp chí Kinh tế và Phát triển			No.236(II), pp.51-63	2017
27	Lý thuyết các bên liên quan về quản trị công ty và hiệu quả hoạt động của các công ty sản xuất ở Việt Nam	2	X	Tạp chí Kinh tế và Dự báo			No.6(646), pp.18-20	2017

28	Chỉ số VN30: Phân tích hiệu quả hoạt động và quản trị doanh nghiệp	1	X	Tạp chí Kinh tế và Dự báo			No.12(688))pp.3-6	2018
29	Tác động của quản trị doanh nghiệp lên hiệu suất doanh nghiệp và tính thanh khoản của cổ phiếu trên thị trường giao dịch chứng khoán	2	X	Tạp chí Tài chính			Kỳ I (678)	2018
30	The relationship between budget deficit and economic growth in Vietnam: ARDL Approach	2	X	Asia Pacific Economic Review		Google Scholar: 5	pp.98-100	2018
31	Chỉ số VN30: Phân tích xác suất vỡ nợ của các cổ phiếu thành phần trong VN30 Index	1	X	Tạp chí Kinh tế và Dự báo			No.15(691))pp.7-11	2018
32	Chỉ số VN30: Phương pháp tiếp cận cấu trúc, ước lượng tham số và cơ cấu vốn tối ưu	1	X	Tạp chí Kinh tế Phát triển			No.252(II) , pp.33-41	2018
33	Xây dựng chỉ số Quản trị doanh nghiệp, áp dụng cho VN30	2	X	Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương			No.521, 87-89	2018
34	Phân tích ảnh hưởng của Chỉ số Quản trị doanh nghiệp lên hiệu quả hoạt động của các công ty niêm yết VN30 Index	2	X	Tạp chí Kinh tế và Dự báo			No.21(697) , pp.13-16	2018
35	Kinh nghiệm của Hàn Quốc về giải quyết nợ xấu và gợi ý cho Việt Nam	2	X	Tạp chí Kinh tế và Dự báo			No.23(699))pp.60-63	2018
36	Phân tích rủi ro hoạt động trong ngân hàng thương mại Việt Nam	1	X	Tạp chí Kinh tế và Dự báo			No.30(676))pp.08-12	2018

37	A Study on Optimal Capital Structure of Vietnamese Real Estate Listed Firms	2	X	Journal of Economics and Development			Vol.20, No.3, pp.45-70	2018
38	Mối quan hệ giữa chính sách tiền tệ và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam: Phương pháp tiếp cận ARDL	1	X	Tạp chí Công Thương			No.16, pp.228-233	2018
39	Xây dựng mô hình chấm điểm tín dụng khách hàng cá nhân vay tiêu dùng tại Việt Nam	1	X	Tạp chí Khoa học Thương mại			No.128, pp.47-54	2019
40	Phương pháp định giá và nghiên cứu tình huống trái phiếu chuyển đổi có điều kiện (CoCo) tại Ngân hàng An Bình	1	X	Tạp chí Khoa học Thương mại			No.129, pp.32-41	2019
41	Bank consumer credit scoring model in Vietnam	1	X	Journal of Trade Science			Vol.7, No.2, pp.62-72	2019
42	Xây dựng chỉ số quản trị doanh nghiệp của ngân hàng thương mại Việt Nam	2	X	Tạp chí Kinh tế và Dự báo			No.36, pp.132-136	2019
43	Kiểm định sự tồn tại và mức độ tâm lý đám đông trên thị trường chứng khoán Việt Nam	2	X	Tạp chí Kinh tế và Dự báo			No.3, pp.68-71	2020
44	Đấu thầu giá thống nhất với giá phân biệt của trái phiếu chính phủ Việt Nam	2	X	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế			No.1, pp.64-75	2020
45	Các mô hình Quản trị Đại học trên thế giới và Bài học cho Việt Nam	2	X	Tạp chí Kinh tế Dự báo			No.5, pp.44-48	2020

46	Hệ số CAR và Rủi ro của Ngân hàng; Nghiên cứu thực nghiệm tại ngân hàng Việt Nam	1	X	Đại học Thương mại			No.140, pp.65-72	2020
47	Firm Performance and Capital Structure in Asia: A Meta – Analysis	2	X	Journal of Economics and Development			Vol.22, Issue.1, pp.111-129	2020

Các bài Hội thảo khoa học đăng trên tạp chí trong nước

48	Nhận diện các yếu tố tài chính dự báo nguy cơ phá sản của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn Hà Nội	2	X	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Cải thiện môi trường kinh doanh - Nâng cao năng lực cạnh tranh của Việt Nam trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4			pp.414-420 ISBN: 978-604-79-2135-5	2019
----	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------	---	---	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--	---------------------------------------	------

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 4

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1				
2				
...				

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT

(UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH 04 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

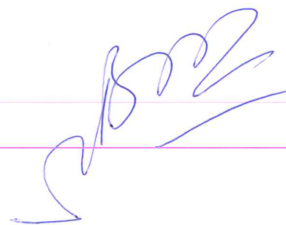
C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội... , ngày 26 tháng 6.. năm 2020

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)


Đào Thị Thanh Bình